



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: 079747

VEWL.#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN VAN TUONG
Last Middle First

Current Address: 1/13 Ly tu Trong, Can Tho

Date of Birth: 12/10/46 Place of Birth: Phong diel

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 7/1/75 To 9/22/81
Years: 6 Months: Days:

3. SPONSOR'S NAME: Ly PHUOC HONG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED:

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN VAN TUON
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Vân Thị Dung	6/20/48	Wife
Nguyễn Ngọc Diên	11/28/73	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

((71111, RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BOA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ công an
Thí hành quyết định tha số 57 ngày 20/3/1981 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây :

Họ và tên : Nguyễn văn Tường
Sinh ngày : 10/12/1946
Nơi sinh : Phong đình
Nơi ĐHTT trước khi bị bắt : Phương thành, Phương hầu
Phụng hiệp Hậu giang.
Can tội : Trung úy - Biệt đội phó kiêm sĩ quan an ninh QĐ
Ngày bị bắt : 01/7/1975 án phạt : TĐC
Theo quyết định số 148 ngày 22/8/1978 của Bộ nội vụ
Nay về cư trú tại : Trú quán trên - quán chổ 12 tháng .

/)/HÀN XÉT QUA TRÌNH CẢI TẠO

Đã phần nào khai báo được tội lỗi trước đây , tỏ ra an tâm
tin tưởng ở chính sách khoan hồng của cách mạng. Lao động có
cố gắng chịu khó với công việc được giao , đảm bảo ngày công
năng suất . Học tập kết quả bình thường . Đấu tranh phê bình
được . Chấp hành nội quy kỷ luật chưa có gì sai phạm lớn .
Hàng năm xếp 1 ai cải tạo từ trung bình đến khá .
Đề nghị chính quyền địa phương tiếp tục giáo dục giúp đỡ .

Phản tay ngôn trở phải

Họ tên chữ ký

/)/gày 22 tháng 9 năm 1981

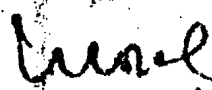
Còn : Nguyễn văn Tường

Người được cấp giấy

Giám thị

Định bản số

Lập tại :



Nguyễn văn Tường



Trưởng tá : Võ Văn



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No. 67320

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

ODP-IV No. 079747
(If known)1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N. W. • WASHINGTON, D. C. 20005
(202) 659-6646/6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

Date filed: Feb. 23 - 1985 Diocese of: Anstis -Your Name: Mr/Mrs/Miss LY PHUOC HONG Phone: (Home) _____
(Family name) (Middle name) (First) (Work) _____Your Address: 811 E 31st BAYAN, TX 77801
(Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)Date of Birth: Feb. 17 - 1984 Place of Birth: BAXUYENDate of Entry to U.S. June 17 - 1983 From (country or camp): Indonesia - OralangMy Alien Registration Number is A25384020 My Naturalization Certificate No. is _____Legal Status: Parolee _____ Permanent Resident Alien ☒ U.S. Citizen _____THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

Name of Principal Emigrant	Date/Place of Birth	Relation (if any)	Address in Vietnam
NGUYEN VAN TUONG	Dec. 10 - 1946	uncle	1/3 hy tu Trong CAN THO - VIETNAM

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: 2 (Full List on back)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)

U.S. Government Agency _____ Last Title/Grade _____
Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation _____
Last Title/Grade: _____ Name/Position of Supervisor: _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit 1st Special technical Last Title/Grade 1st lieutenant, executive
Name/Position of Supervisor General Mach VAN TRUONG
Was time spent in re-education camp? Yes ☒ No _____ How long? 6 years, 4 months

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____
Dates of Employment or Training _____ to _____
(month/year) (month/year)

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____

Full name of the mother: _____ Her age: _____ Address: _____
Full name of the U.S. Citizen Father (if known): _____
His current address: _____

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: Wongly Date: Feb. 25 - 1985SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS Feb 26, 85 (Date)Signature of Notary Public Shirley J. Herling County of: Brayon

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN VAN TUONG
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
VANTHI DUNG	6-20-1948	Wife -
NGUYEN NGOC DIEM	11-28-1973	daughter -

ADDITIONAL INFORMATION:

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ỚN

ODP IV # 079747

Date: Feb. 26, 1985
Ngày: Feb. 26, 1985

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Coi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name / Họ, tên : NGUYỄN VĂN TUẤN Sex: Male / Giới tính: Phái Nam
2. Other Names / Họ, tên khác : None
3. Date/Place of Birth / Ngày/Nơi Sinh : 10-12-1946 Phường Phú, Phong đình
4. Residence Address / Địa-chỉ thường-trú : 1/13 Lý Tự Trọng, Cần Thơ city VIET NAM
5. Mailing Address / Địa-chỉ thư-tử : 1/13 Lý Tự Trọng, Cần Thơ city VIET NAM
6. Current Occupation / Nghề-nghiệp hiện tại : Carpenter

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia-đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>Văn Thị Dung</u>	<u>20/6/1948</u>	<u>Saigon</u>	<u>Female</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>
2. <u>Nguyễn Ngọc Diễm</u>	<u>28/11/1973</u>	<u>Nhị Thà</u>	<u>Female</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>
3.					
4.					
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(Chú-ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relative Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, tên

LY PHUOC HONG

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

Niece

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relative's Arrival
in the U.S.

Ngày bà con đến Mỹ

JUNE 17, 1983

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

NGUYEN VAN LINH

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

Uncle

c. Address
Địa-chỉ

P.O. Box 3285
SANMARTIN PARK, ALTA,
TRA 2 25

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father
Cha

NGUYEN THE PHONG (Living)

2. Mother
Mẹ

NGUYEN THI MINH (Living)

3. Spouse
Vợ/Chồng:

VAN THI DUNG (Living)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có):

5. Children
Con cái:

(1) NGUYEN NGOC DIEM (Living)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

6. Siblings
Anh chị em:

(1) NGUYEN THI ANH (Living)

(2) NGUYEN THI CHU (Living)

(3) NGUYEN THI THANH (Living)

(4) NGUYEN THI PHUONG (Living)

(5) NGUYEN THANH DO (Living)

(6) NGUYEN THANH TONG (Living)

(7) NGUYEN THANH KHUONG (Living)

(8)

(9)

2. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phu Mỹ hoặc hàng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : NGUYEN VAN TUONG

Position title
Chức-vụ : Area Specialist

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : CORDS Camau

Length of Employment
Thời-gian làm việc From: 1966 To: 1968

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: BYRON BALL

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : Military service

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời-gian làm việc From: _____ To: _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hàng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/Chồng Đã Công-vu với Chính-phu Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYEN VAN TUONG

2. Dates:
Ngày, tháng, năm From: 1968 To: April 30-1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : First Lt. Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: 66/505,541

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : 21st Special Technical Detachment

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chức-huy : NGUYEN PHUNG THANH
C.O. of 21st Special Technical Detachment
MACH VAN TRUONG C.O. of 21st Division

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc

April 30 - 1975

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ

Capt. Williamson, Capt. Young
(Advisory Team of 509 Radio Research)

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phần-thưởng hoặc giấy khen:

Not available

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-chủ nếu có.
Đúng-số có không? Có Không .)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)
(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

NGUYỄN VĂN TRƯỜNG

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Từ:

April 30, 1975

To:

Đến:

September 23, 1981

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

No

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

I have submitted my personal file as an applicant of the ODP through
Ly phuu HONK, my niece, who is living in the USA. I received the Migration and
Refugee Services USCC Form B (revised 12/83) Reference No. 67320 ODP IV No. 079747
dated Feb. 26 1985. But I do not have the Permanent Residence book, nor the ID card
consequently, so I could not submit any further and necessary application to the Vietnamese
government.

Signature

Ký tên:

Nguyen Van Truong

Date

Ngày:

Nov. 15, 1989

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1. 03 copies, Birth certificate

2. 03 copies, Marriage certificate

3. 09 photos

04. 01 copy, Release certificate

6184

05. 01 copy, Migration and Refugee Services

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THỊ - XÃ MỸ - THO

Phường 6

Số hiệu 1041/P6

TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

Lập ngày 29 tháng 11 năm 1973 NTTA/51

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 9182

Hộ Gia đình 10

11/11/73

CHỖ CHỮ VIẾT



Nguyễn Văn Bình

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN NGỌC DIỄM

Trai hay gái : nữ

Ngày sinh : ngày hai mươi tám tháng mười một năm
một ngàn chín trăm bảy mươi ba

Nơi sinh : Bảo sanh Phạm thị Sâm số 5/2 Ngõ Tùng Châu
(Mỹ Tho)

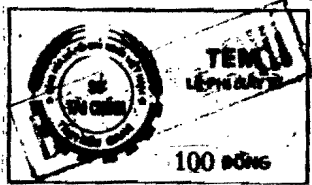
Tên họ cha : Nguyễn Văn Tường

Tên họ mẹ : Văn thị Dung

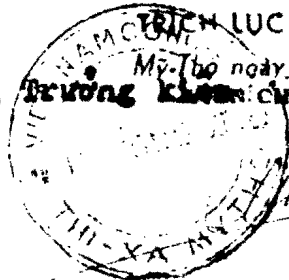
Vợ chạnh hay không : vợ chánh

Có hôn thú : số 18 Bình Đức , 05-05-1973

Tên họ người khai : Phạm thị Sâm



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH
Mỹ Tho ngày 08 tháng 02 năm 1974
Phường Trưởng kiêm CHỨC HỘ TỊCH.



HOÀNG MINH PHỤNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH ĐỊNH-TƯỚNG
QUẬN: Châu-Phước
XÃ: Định-Trúc

Số hiệu 18

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

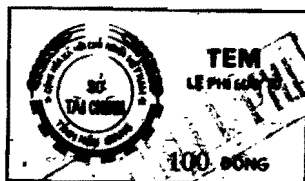
Lập ngày 05 tháng 02 năm 1973

SAO Y BẢN CHÁNH

Hệ số 9182 11/02/1973
Hậu 6.000.000 10
CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Việt Bình



THỦ

Tên họ chồng	: <u>Nguyễn - Văn - Phòng</u>
Ngày và nơi sanh	: <u>10-1-1948, Phường Phú, Phong Dinh</u>
Tên họ cha chồng	: <u>Nguyễn Văn Phòng, 55 tuổi (Sống / chết)</u>
Tên họ mẹ chồng	: <u>Nguyễn Thị Bình, 55 tuổi (Sống / chết)</u>
Tên họ vợ	: <u>VAN THỊ Bông</u>
Ngày và nơi sanh	: <u>02-02-1948, Sài-Gòn</u>
Tên họ cha vợ	: <u>VAN THỊ Bông, 55 tuổi (Sống / chết)</u>
Tên họ mẹ vợ	: <u>Võ Thị Lý, 55 tuổi (Sống / chết)</u>
Ngày lập hôn thú	: <u>05-02-1973</u>
Có lập hôn khế không	: <u>////////</u>

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

Ngày 13 tháng 02 năm 1973
SỞ CÔNG AN TỈNH CHỨC HỘ TỊCH

Handwritten signature

VIỆT-NAM . CỘNG-HOÀ
TÒA SƠ-THẨM
Phong-Dinh

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VÌ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ
TÒA SƠ-THẨM Phong-Dinh

PHÒNG LỤC-SỰ

(1) Ngày 23-6-1960

Giấy thể-vì khai sinh

cho Nguyễn-văn-Trường

(1) Số: 931

Một bản chính giấy thể-vì khai sinh

cấp cho Nguyễn-văn-Trường

do Ông. Vũ-thiện-Tai Chánh-Án Tòa Phong-dinh

với tư-cách Thẩm-Phân-Hoà-Giải, cấp ngày 23-6-1960

và đã trước-bạ;

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:

Những điều khoản này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 303 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1952 và sau khi tuyên-thệ, quá-quyết và biết chắc rằng:

- Nguyễn-văn-Trường, nam, sinh ngày 10-12-1946, tại Phường-Phổ (Phong-Dinh) Con của Nguyễn-thế-Phong và Nguyễn-thị-Vinh, và duyên cớ mà y không thể xin xác lục khai sinh được vì đã sinh lỡ thất lạc,

- Do bản số 02-LT ngày 12-01-1971 Ông Chánh án tòa Sơ-Thẩm (Phong-Dinh) Phân rằng: Đây là tờ chứng thư thể-vì khai sinh của Nguyễn, anh số 931 do tòa HONQ Phong-Dinh cấp ngày 23-6-1960, về phần họ tên của y là: Nguyễn-văn-Trường, nam, sinh ngày 10-12-1946 (đúng) thay vì Nguyễn-văn-Trường, nam, sinh ngày 10-12-1946 (sai)

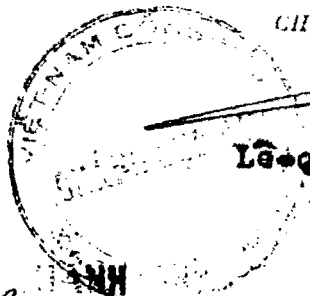
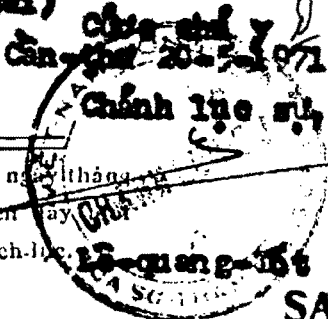
TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH,
Căn-thờ ngày 23 tháng 3 năm 1973

CHÁNH LỤC-SỰ,

Lệ-phí

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây

khi xin trích-lục



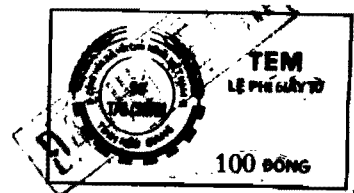
Lê-quang-Tết

SADY

Hậu 9182 10 11 1979



Nguyễn-viet-Binh



Bản số: 6179

★

HỘ-TỊCH

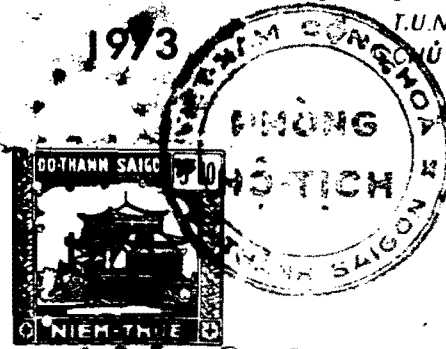
TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Nam một ngàn chín trăm bốn mươi tám (1948)

Tên, họ đứa nhỏ	Văn thị Dung
Phái	féminin
Ngày sanh	le vingt Juin mil neuf cent quarante huit à 23h30
Nơi sanh.	67, rue de Tháp Mười
Tên, họ người Cha.	Văn thế Báu
Nghề-nghiệp.	secrétaire
Nơi cư-ngụ	137, avenue Alexandre de Rhodes
Tên, họ người Mẹ	Võ thị Lý
Nghề-nghiệp	sans profession
Nơi cư-ngụ	137, avenue Alexandre de Rhodes
Vợ chánh hay thứ	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 19 tháng 3 năm 1973

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON
CHỦ-SỰ PHÒNG HỘ-TỊCH

Linh

KHUẾ-THỊ-VINH

28/12/89

Kính gửi: Chị Thơ

Thưa chị,

Hôm trước có được thăm đàm với chị về
Ban Tiếp Đón chính nhân từ nhân tại WA.
Nay anh Đặng Minh Châu, Đại Diện Khu
Hội Cựu Tự Nhân CTCSVN, đã liên lạc
các Hội Đoàn và có quyết định vào với
tuần này.

Phone: anh Châu

Khân: Pip: 596-9698.

Xin chị cung 2/Lạc với anh Vũ Quốc Thủy
Giám Đốc CT Tị nạn tại TB. này như chị đã
có số phone.

Kính

Khangquyên

Nguyễn Trọng Khoa

Ngày 28 tháng 12 năm 1989

Kính gửi Chị Khúc Minh Thơ
Chủ Tịch Hội Gia Đình TNCTVN
Po.Box 5435
Arlington, Virginia 22205-0635 USA

Thưa Chị,

Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh những thành quả hữu hiệu mà quý Chị trong Hội đã tranh đấu cho anh chị em tù nhân CTVN sắp được qua Mỹ vào tháng 1/90 này. Sau đây xin chuyển đến Hội giấy tờ của chiến hữu Nguyễn Văn Tường, cựu trung úy VNCH, bị tù cải tạo trên 6 năm, gồm có: copy giầy ra trại, Giấy USCC, IV-079747,

- Questionnaire, form,
- copy hôn thú
- copy khai sinh Nguyễn ngọc Diễm và 2 ảnh
- trích lục khai sinh Văn thi Dung và 2 ảnh
- trích lục khai sinh Nguyễn Văn Tường và 2 ảnh

Để xin Hội yêu cầu ODP cấp LOI cho gia đình chiến hữu Nguyễn Văn Tường.

Kính chúc quý Hội nhiều thành công.

Trân trọng

Khauquyen

NGUYEN TRONG KHA
Cựu tù nhân CTCSVN

Kèm: bao thư và tem, đề xin
hồi đáp.

- Danh sách 102 tù nhân
đã được cấp LOI. Xin Hội chuyển đạt
Bộ Ngoại Giao Mỹ

Kính check \$20 ủng hộ Hội.
Xin mình tặng tin tin báo

MARIA HIEP NGUYEN TRAN		631
PHONE 881-1534		
12/28 1989		34-71251
Pay to the order of	Hội Gia Đình TNCTVN	\$ 20.00
Twenty even		Dollars
 Overlake Park Branch Puget Sound Bank Puget Sound National Bank 15110 N.E. 24th Street Redmond, Washington 98052		
For	Yim tư Hội	<i>[Signature]</i>

Ngày 28 tháng 12 năm 1989

Kính gửi Quý Khúc Minh Thơ
Chủ tịch Hội Gia Đình TNCTVN
Po.Box 5435
Arlington, Virginia 22205-0635 USA

Thưa Chị,

Chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh những thành quả hữu hiệu mà quý Chị trong Hội đã tranh đấu cho anh chị em tù nhân CTVN sắp được qua Mỹ vào tháng 1/90 này.

Sau đây xin chuyển đến Hội giấy tờ của chiến hữu Nguyễn Văn Tường, cựu trung úy VNCH, bị tù cải tạo trên 6 năm,

Gồm có: copy giấy ra trại, Giấy USCC, IV-079747,

- questionnaire, form,

- copy hôn thú

- copy khai sinh Nguyễn Ngọc Diễm và 2 ảnh

- trích lục khai sinh Văn Thị Dung và 2 ảnh

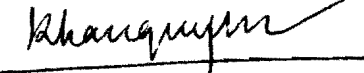
- trích lục khai sinh Nguyễn Văn Tường và 2 ảnh

Để xin Hội yêu cầu ODP cấp LCI cho gia đình chiến hữu Nguyễn Văn Tường.

Kính chúc quý Hội nhiều thành công.

Trân trọng

Kèm: bao thư và tem, đề xin
hồi đáp.


NGUYEN TRONG KHA
Cựu tù nhân CTCSVN

- Danh sách 102 tù nhân
đã được cấp LCI. Xin Hội chuyển đạt,
Bộ Ngoại Giao Mỹ

Kính chúc #20 mừng lễ Hội.
Xin mừng tặng tin tin báo

Nguyễn Văn Trường



NGUYỄN VĂN TƯỜNG
DOB - 10 Dec 1946
POB - PHONG DINH



VĂN THỊ DUNG
DOB 20 June 48
POB Saigon

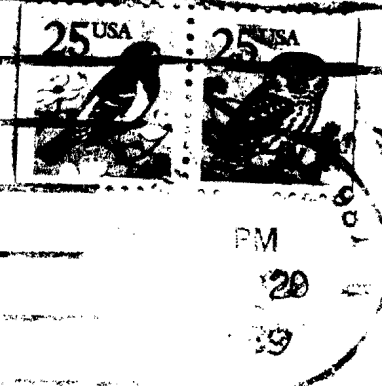


NGUYỄN NGỌC DIỄM
DOB 28 Nov 1973
POB My Tho

Kr. Nguyen

Bổ túc hồ sơ

JAN 2 1990



Mrs Khac Minh Tho

Po.Box 5435

Arlington, Virginia 22205-0635

USA.

CONFIDENTIAL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODF/Date
____ Membership; Letter

1/18/90